

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2022/HNGĐ-ST

Ngày 29-7-2022.

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Minh Hoàng.

Ông Đào Việt Khái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Trung Tính - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 131/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 276/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1996 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã N, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1995 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã N, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 4 năm 2022 cùng các văn bản khác kèm theo, anh Nguyễn Văn B trình bày: Vào tháng 01 năm 2016 anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 17 tháng 3 năm 2017. Trong quá trình chung sống giữa anh và chị T xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan

điểm. Vì cuộc sống hôn nhân giữa anh với chị T không còn hạnh phúc, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị T. Về con chung, có hai người tên là Nguyễn Văn H (giới tính nam), sinh ngày 16 tháng 01 năm 2017, hiện do anh trực tiếp nuôi dưỡng và Nguyễn Thị Bích T (giới tính nữ), sinh ngày 29 tháng 5 năm 2019, hiện do chị T trực tiếp nuôi dưỡng nên khi ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng Nguyễn Văn H và giao Nguyễn Thị Bích T cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh và chị T không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Đồng thời, cũng không cung cấp lời khai, tài liệu, chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn B.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho anh B ly hôn với chị T. Giao con chung tên là Nguyễn Văn H (giới tính nam), sinh ngày 16 tháng 01 năm 2017 cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng, giao con chung tên là Nguyễn Thị Bích T (giới tính nữ), sinh ngày 29 tháng 5 năm 2019 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh B và chị T không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời, buộc anh B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc anh Nguyễn Văn B khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn chị Nguyễn Thị T cư trú tại ấp C, xã N, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn B vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Nguyễn Thị T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị T đúng theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân, anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị T kết hôn và có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị T là hôn nhân hợp pháp. Anh B yêu cầu ly hôn với chị T vì anh B cho rằng quá trình giữa anh B và chị T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hôn nhân không còn hạnh phúc mà không

hàn gắn, đoàn tụ được, quá trình giải quyết vụ án chị T không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của anh B, cũng như không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa anh B và chị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận cho anh Nguyễn Văn B ly hôn với chị Nguyễn Thị T là có căn cứ đúng theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung, anh B yêu cầu được nuôi con chung tên là Nguyễn Văn H (giới tính nam), sinh ngày 16 tháng 01 năm 2017 và giao con chung tên là Nguyễn Thị Bích T (giới tính nữ), sinh ngày 29 tháng 5 năm 2019 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh B và chị T không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Chị T không có ý kiến phản đối với yêu cầu về người trực tiếp nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con của anh B. Xét thấy, con chung Nguyễn Văn H hiện do anh B là người đang trực tiếp nuôi dưỡng, con chung tên Nguyễn Thị Bích T hiện do chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng nên nhằm để ổn định về điều kiện môi trường sống và đảm bảo sự phát triển bình thường của con chưa thành niên. Từ đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh B và giao người trực tiếp nuôi dưỡng con chung theo yêu cầu của anh B là có căn cứ.

[4] Anh Nguyễn Văn B xác định tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có. Chị Nguyễn Thị T không có ý kiến về những vấn đề trên nên không đặt ra xem xét.

[5] Do đó, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ để chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh Nguyễn Văn B phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Nguyễn Văn B ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

2. Về con chung, giao anh Nguyễn Văn B trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Nguyễn Văn H (giới tính nam), sinh ngày 16 tháng 01 năm 2017. Chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Nguyễn Thị Bích T (giới tính nữ), sinh ngày 29 tháng 5 năm 2019. Anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị T không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh Nguyễn Văn B phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0017797, ngày 21 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nên anh Nguyễn Văn B đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Ủy ban nhân dân xã N, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hồng Huệ